

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 08 tháng 09, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



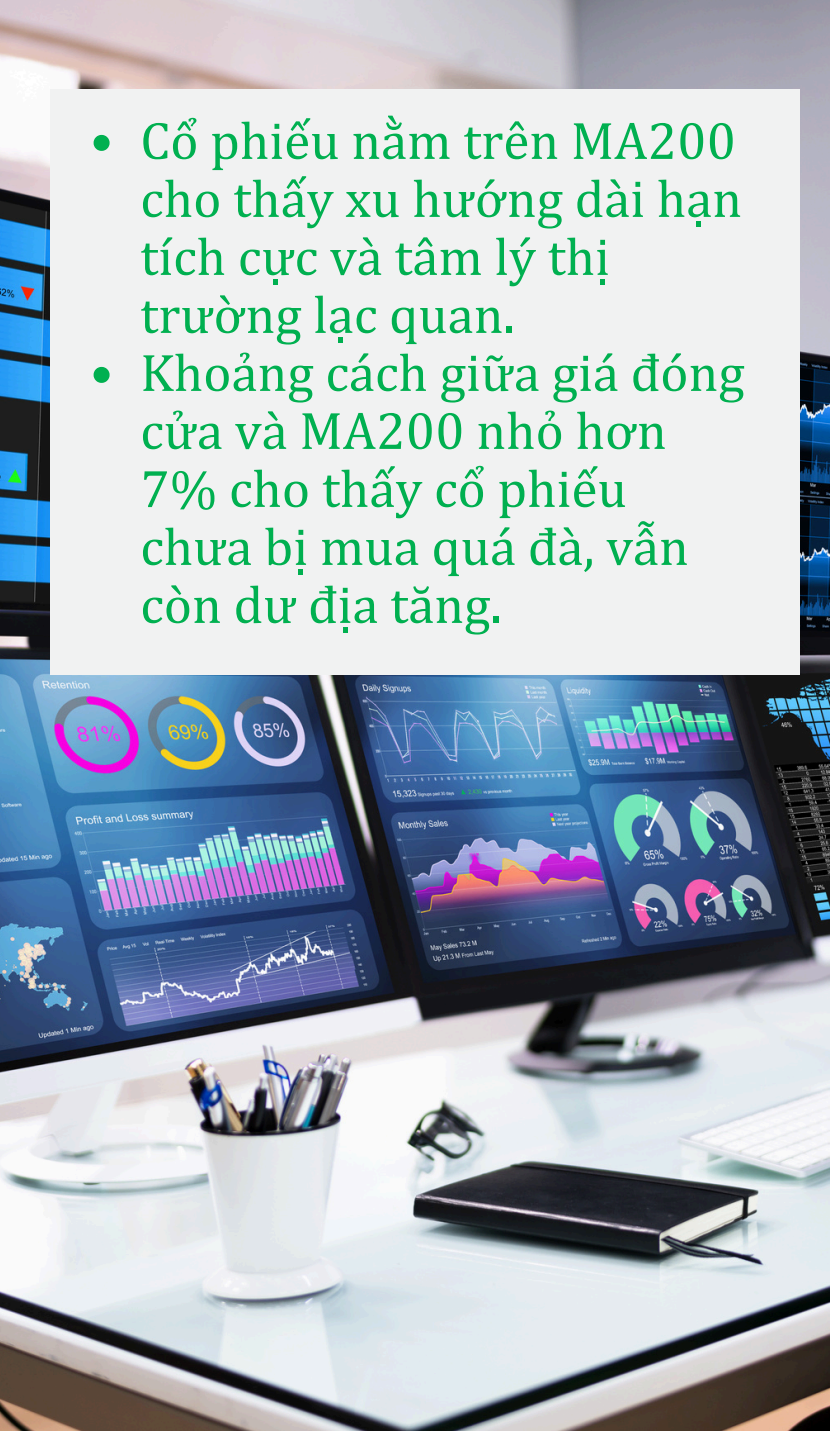
- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	MBS	05/09/2025	38.5	21.678.100	10.087.800	2.15
2	ANV	05/09/2025	27.35	12.775.000	6.179.354	2.07
3	KBC	05/09/2025	41.15	23.269.800	11.326.437	2.05
4	HUT	05/09/2025	19.1	9.981.200	5.391.847	1.85
5	PVD	05/09/2025	22.65	16.992.300	10.180.170	1.67
6	KDH	05/09/2025	35.45	12.748.300	7.966.000	1.6
7	DIG	05/09/2025	25.4	47.285.300	33.102.836	1.43
8	MBB	05/09/2025	27.4	66.550.600	46.753.224	1.42
9	IJC	05/09/2025	14.8	8.130.700	5.759.700	1.41
10	VDS	05/09/2025	24.6	8.940.900	6.453.910	1.39
11	MSB	05/09/2025	17.7	38.897.500	28.553.950	1.36
12	HCM	05/09/2025	28.5	26.805.000	20.479.900	1.31
13	DPM	05/09/2025	27.3	7.748.800	5.912.770	1.31
14	NKG	05/09/2025	17.9	27.016.700	21.466.440	1.26
15	HSG	05/09/2025	20.25	17.541.800	13.980.723	1.25
16	GVR	05/09/2025	29.8	7.745.200	6.227.757	1.24
17	PDR	05/09/2025	25.1	38.670.200	31.567.504	1.23
18	VND	05/09/2025	25	58.546.400	48.200.988	1.21
19	CEO	05/09/2025	25.8	31.222.400	27.491.836	1.14
20	SHB	05/09/2025	18	131.953.504	117.271.512	1.13
21	BID	05/09/2025	41.95	13.561.000	12.044.880	1.13
22	TCB	05/09/2025	39.5	35.382.100	31.556.364	1.12
23	HHV	05/09/2025	15.35	21.652.800	19.418.016	1.12
24	NVL	05/09/2025	17.3	34.510.500	31.609.154	1.09
25	HPG	05/09/2025	28.8	95.256.400	87.949.168	1.08
26	VCI	05/09/2025	46	18277300	16963226	1.08
27	LCG	05/09/2025	12.75	8206800	7635137	1.07
28	DXG	05/09/2025	22.03	30551700	29488926	1.04
29	ACB	05/09/2025	27.15	23539400	23107076	1.02



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	05/09/2025	8.16	2.703.990	49.51	7.83	4.26	0.14	0.03
2	BMI	05/09/2025	21.95	699.150	52.36	20.73	5.86	0.13	0.13
3	DC4	05/09/2025	12.65	992.210	46.8	12.06	4.91	-0.21	0.21
4	GAS	05/09/2025	63.8	1.046.580	44.04	62.56	1.98	0.34	-0.06
5	IDC	05/09/2025	44	2.491.840	55.73	41.88	5.07	1.08	-0.95
6	KSB	05/09/2025	18.7	2.584.560	47.7	18	3.88	0.27	0.08
7	MST	05/09/2025	6	3.606.140	49.05	5.83	2.93	0.06	0.11
8	NHA	05/09/2025	24	1.155.400	48.86	22.72	5.65	0.45	-0.02
9	OIL	05/09/2025	12.1	1.908.860	50.41	11.65	3.89	0.14	-0.01
10	PHR	05/09/2025	56.6	545.250	44.33	54.31	4.21	0.1	0.01
11	PNJ	05/09/2025	87.2	804.360	55.91	86.64	0.65	1.3	-1.48
12	PVD	05/09/2025	22.65	7.022.710	60.7	21.63	4.72	0.44	-0.62
13	TIG	05/09/2025	10.4	3.539.200	59.04	10.13	2.65	0.53	-0.38
14	TNG	05/09/2025	20.8	1.253.870	52.08	20.76	0.19	0.22	-0.42
15	VNM	05/09/2025	60.9	4.639.020	52.15	58.91	3.38	0.46	0.14
16	VOS	05/09/2025	15.45	2.324.560	50.72	15.24	1.36	0.1	-0.15
17	VPI	05/09/2025	58.4	2.734.960	62.64	55.67	4.09	0.79	-0.56
18	YEG	05/09/2025	14.3	3.577.540	50.19	13.58	5.28	0.16	0.44

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	C69	10.09	11.2	547.020
2	DHC	33.85	34.15	394010
3	DIG	25.4	27	28.340.100
4	EVG	11.4	11.4	4.069.610
5	KBC	41.15	43.1	13029070
6	L40	41.7	41.8	394.120
7	TCI	13.4	13.55	1.422.620
8	TL4	10.5	11.6	294.840

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CHP	32.45	32.2	91.010
2	CT3	5.3	5	22.890
3	DVN	21.7	19.9	128.010
4	HVH	13.3	13.5	418.430
5	NBC	9.1	9.1	91.800
6	SBA	28.8	27.2	51.220

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DL1	7.1	6.6	1.083.780
2	VEA	39.2	39.17	682.830

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DCS	1.1	01.05	624.050
2	DL1	7.1	6.82	1.083.780
3	GKM	5.2	5.13	1107650
4	HUT	19.1	18.65	4.121.560
5	PVX	1.9	1.81	2.854.800
7	DTD	21.7	21.69	1020920

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTI	25.6	25.43	1.520.300
2	JVC	5.88	5.75	515.640
3	POM	2.3	2.13	2476710
4	PVX	1.9	1.78	2.854.800
5	REE	67.2	67.13	1.013.020



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CMG	40.9	41.57	973.740
2	LAS	19	19.07	540.400

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAH	4.2	4.21	1.595.860
2	CMG	40.9	41.31	973.740
3	DGT	5.2	5.22	688990
4	DRC	17.5	17.17	666.210
5	FIT	4.88	4.9	1.499.260
6	LDG	4.99	05.01	5.719.410
7	LMH	0.9	0.98	737.870
8	NRC	5.7	5.87	1.180.550
9	NTL	19	19.95	2127700
10	TNG	20.8	20.89	1253870

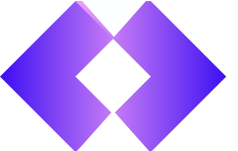
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BSI	51.9	52.03	1.857.210
2	CTS	41.2	41.65	3.764.160
3	CMG	40.9	41.6	973740
4	BVS	39.5	40.89	835.620
5	MBS	38.5	39.78	9.956.140
7	PAN	32.8	33.03	2167900
8	VGS	31	31.33	1940440
9	VSC	31	31.08	12534250
10	EIB	28.75	28.92	19464090
11	VC3	28.1	28.27	970210
12	VCG	25.9	26.1	11697230
13	SSB	21	21.05	3417080
14	AGG	19.85	20.34	1194240
15	GIL	19.7	19.79	1560560
16	KSB	18.7	19.38	2584560
17	FCN	17.95	18.15	3430560
18	NAB	15.9	15.93	4013890
14	VOS	15.45	15.55	2324560
15	VC7	12.2	12.37	850680
16	OIL	12.1	12.26	1908860
17	HTN	12	12.44	1553000
18	APS	10.9	11.27	2478660
19	C4G	9.6	9.66	2776100



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	05/09/2025	47.2	45.97	49.1	6.8	127.800
2	QTP	05/09/2025	13.5	13	13.9	6.9	388.820
3	VEA	05/09/2025	39.2	37.9	40.9	7.9	761.400
4	SJD	05/09/2025	15.7	14.5	15.8	9	125.860
5	SAB	05/09/2025	47.3	45.45	50	10	829.580
6	TNH	05/09/2025	16.25	15.6	17.2	10.3	407.160
7	PPC	05/09/2025	10.95	10.75	11.9	10.7	463.280
8	SBG	05/09/2025	12.7	11.75	13.5	11.1	153.980
9	BWE	05/09/2025	47.3	46.7	51.9	11.1	134.460
10	PVP	05/09/2025	15.25	14.75	16.4	11.2	139.760
11	REE	05/09/2025	67.2	63.9	71.2	11.4	1.225.360
12	SCS	05/09/2025	60.5	59.05	66.3	12.3	350.320
13	IMP	05/09/2025	53.8	50.1	56.5	12.8	112.740
14	VLC	05/09/2025	15.3	14.9	16.9	13.4	110.960
15	ABI	05/09/2025	31	27.9	31.8	14	251.800
16	CTF	05/09/2025	20.9	20.5	23.45	14.4	350.840
17	FMC	05/09/2025	38	35.1	40.3	14.8	100.120



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009